

Số: 1064/SCT-KHTCTH
V/v trả lời các ý kiến tại Diễn
đàn DN tỉnh Gia Lai năm 2017.

Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư .

Nhận được văn bản số 1686/SKHĐT-DN ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Sở Kế hoạch và đầu tư về việc trả lời các ý kiến tại Diễn đàn doanh nghiệp tỉnh Gia Lai năm 2017. Sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương trả lời các vấn đề nêu tại văn bản trên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở, cụ thể như sau:

I/ Đối với vấn đề thứ 5 thuộc Câu hỏi 8:

Hiện Công ty CP đường Quảng Ngãi đã đầu tư Dự án Nhà máy điện sinh khối An Khê. Điện sinh khối là nguồn năng lượng sạch, sử dụng các phụ phẩm của ngành nông nghiệp sử dụng công nghệ cao để tạo ra năng lượng tái tạo đang được Nhà nước khuyến khích phát triển. Tuy nhiên, theo Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ bình quân thì giá bán điện sinh khối hiện nay chỉ ở mức 5,8 cent/kwh tương đương 1.220 đồng/kwh, thấp hơn so với giá bán điện từ các nguồn năng lượng điện tái tạo khác như điện gió, điện năng lượng mặt trời. So sánh với các giá điện sinh khối của các nước trong khu vực như Thái Lan thì giá bán điện sinh khối ở Việt Nam vẫn đang ở mức thấp. Vì vậy địa phương cần phải có những kiến nghị gì với Chính phủ, bộ ngành liên quan để tăng giá điện sinh khối, khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

Trả lời: Theo quy định tại Điều 14 Quyết định số: 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam; *Giá bán điện của các dự án điện sinh khối nối lưới được quy định như sau:*

1. Đối với các dự án đồng phát nhiệt - điện: Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện dư từ các Dự án đồng phát nhiệt - điện sử dụng năng lượng sinh khối với giá điện tại điểm giao nhận là 1.220 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 5,8 UScents/kWh). Giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD.

2. Đối với các dự án điện sinh khối khác:

a) Các dự án nguồn điện sử dụng năng lượng sinh khối để phát điện, nhưng không phải là dự án đồng phát nhiệt - điện: Giá bán điện được áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối.

b) Hàng năm, Bộ Công Thương xây dựng và ban hành Biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối.

3. Các dự án điện sinh khối áp dụng giá bán điện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này không được áp dụng cơ chế trợ giá cho sản lượng điện của dự án theo các quy định hiện hành khác.

4. Chi phí mua điện từ các dự án điện sinh khối được tính toán và đưa đầy đủ trong thông số đầu vào trong phương án giá bán điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bộ Công Thương theo dõi, đề xuất điều chỉnh mức giá mua điện quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối Áp dụng biểu giá chi phí tránh được cho các dự án điện sinh khối; **Biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các dự án điện sinh khối nối lưới trừ các trường hợp sau:**

1. Dự án đồng phát nhiệt điện.

2. Dự án phát điện sử dụng bã mía có trích hơi cho nhà máy đường.

Do vậy, đối với Dự án Nhà máy điện sinh khối An Khê là dự án phát điện sử dụng bã mía có trích hơi cho nhà máy đường, giá điện tại điểm giao nhận ở mức 1.220 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 5,8 UScents/kWh) **là phù hợp với các quy định nêu trên.** Trong trường hợp nhà máy đường ngừng hoạt động, mà vẫn còn nguồn nguyên liệu cho Nhà máy điện sinh khối phát điện thì được áp dụng Biểu giá chi phí tránh được (hiện theo Quyết định số 942/QĐ-BCT ngày 11/3/2016 của Bộ Công Thương, giá điện áp dụng Biểu giá chi phí tránh được ở mức 1.642 đồng/kWh, tương đương 7,3458 UScents/kWh).

Tuy nhiên, kiến nghị UBND tỉnh Gia Lai có văn bản đề nghị Bộ Công Thương xem xét, ban hành Thông tư bổ sung Thông tư số 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015. Trong đó, quy định cụ thể việc các dự án phát điện sử dụng bã mía có trích hơi cho nhà máy đường được áp dụng Biểu giá chi phí tránh được trong trường hợp nhà máy đường ngừng hoạt động để công khai minh bạch vấn đề này, tránh cơ chế xin cho và khuyến khích các nhà đầu tư phát triển các dự án điện sinh khối trên địa bàn tỉnh.

II/ Câu hỏi số 9:

Xuất khẩu nông sản đặc biệt là cà phê của tỉnh ta chủ yếu xuất khẩu thô, giá trị thấp. Tỉnh có giải pháp gì đẩy mạnh chế biến sâu cà phê để tăng năng suất tiêu thụ trong nội địa, tham gia xuất khẩu với giá trị gia tăng không ngừng được nâng lên?

Trả lời: Gia Lai có lợi thế phát triển cây công nghiệp và đã hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn như cà phê diện tích tính đến nay hơn 93.000 ha (trong đó có hơn 77.000 ha kinh doanh), với sản lượng đạt hơn 200.000 tấn/năm; cao su hơn 100.000 ha (trong đó cao su kinh doanh hơn 66.000 ha), sản lượng mủ khô hơn 85.000 tấn/năm; hồ tiêu hơn 15.000 ha (trong đó tiêu kinh doanh hơn 12.000 ha), sản lượng đạt trên 49.000 tấn/năm; Điều hơn 17.000 ha cho sản lượng hơn 13.000 tấn/năm; sắn hơn 64.000 ha, sản lượng đạt hơn 1.207.000 tấn/năm và nhiều loại nông sản hàng hóa khác, đây là nguồn hàng hóa dồi dào, mặt hàng thế mạnh cho hoạt động xuất khẩu của tỉnh.

Hiện trên địa bàn tỉnh có hơn 36 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu thường xuyên. Số lượng các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản (11 doanh nghiệp) chiếm khoảng 30% trên tổng số doanh nghiệp xuất khẩu, hầu hết các doanh nghiệp này đều có cơ sở chế biến quy mô công nghiệp, hệ thống kho chứa đảm bảo, các doanh nghiệp đã đầu tư đổi mới công nghệ, chú trọng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, chế biến.

Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh là hàng nông sản như: cà phê, cao su, sản lát, tiêu, chè..., các sản phẩm này đã có mặt trên thị trường của hơn 40 quốc gia. Đặc biệt một số ngành hàng đã đáp ứng được yêu cầu chất lượng đối với thị trường khó tính, như: Mỹ, EU, Nhật Bản... Những năm gần đây, giá trị kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh (thường chiếm từ 70-80%) và ngày càng tăng cao. Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 400 triệu USD, tăng 29% so với cùng kỳ. (riêng mặt hàng nông sản đạt 320 triệu USD). Dự kiến năm 2017, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 450 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 31% so với cùng kỳ (riêng mặt hàng nông sản dự kiến đạt 390 triệu USD).

Nhìn chung giá xuất khẩu bình quân các mặt hàng nông sản đầu năm nay đến nay cao hơn so với cùng kỳ (giá xuất khẩu cao su tăng 78%, cà phê tăng 14,75%, sản lát tăng 5,2%); khối lượng xuất khẩu một số mặt hàng nông sản tăng mạnh như cà phê tăng hơn 50%, tiêu hạt tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm 2016, nên đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động xuất khẩu nông sản của tỉnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, sức cạnh tranh và năng lực xuất khẩu còn nhiều hạn chế, chưa đủ mạnh để làm chủ được thị trường.

- Sản lượng nông sản sản xuất hàng năm trên địa bàn tỉnh là khá lớn như: cà phê hơn 200.000 tấn, cao su sản lượng mủ khô hơn 85.000 tấn, hồ tiêu hơn 49.000 tấn, hạt điều 13.000 tấn... Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp so với sản lượng của các mặt hàng này, như cà phê chiếm gần 70%, cao su chiếm khoảng 10%, tiêu hạt chiếm 8%, hạt điều chiếm 4% ... Phần lớn khối lượng nông sản còn lại được bán nội địa cho các doanh nghiệp của tỉnh khác đến thu mua xuất khẩu.

- Đa số các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu nông sản trên địa bàn có nguồn vốn ít, không có khả năng đầu tư vào các lĩnh vực chế biến sâu đòi hỏi vốn lớn. Phần lớn các sản phẩm chưa tạo dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường, ngay cả với những sản phẩm có thể mạnh như cà phê, cao su, tiêu. Phương thức xuất khẩu chủ yếu là qua nhà nhập khẩu trung gian, chưa có khả năng tiếp cận đến người tiêu dùng của các nước, nên giá trị xuất khẩu chưa cao.

- Phần lớn nông sản xuất khẩu ở dạng sơ chế, chất lượng chưa cao nên giá trị gia tăng thấp, mức giá các doanh nghiệp đạt được khi ký kết hợp đồng thường thấp hơn so với giá thế giới. Hơn 90% sản lượng cà phê xuất khẩu dưới dạng cà phê nhân xô chỉ qua sơ chế; còn xuất khẩu cao su của tỉnh phụ thuộc khá nhiều vào xuất khẩu biên mậu, chủ yếu là thị trường Trung Quốc, công nghệ chế biến mủ cao su của các doanh nghiệp trên địa bàn hiện mới dừng lại ở mức sơ chế, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là bán thành phẩm.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nông sản trên địa bàn, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh:

Thời gian qua Sở Công Thương đã thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xuất khẩu trên địa bàn, nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của tỉnh,

Sở Công Thương đã tham mưu đề xuất UBND tỉnh ký quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 ban hành Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020, trong đó thể hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện. Để thực hiện tốt Kế hoạch nêu trên, trong thời gian tới các cơ quan QLNN cần quan tâm một số vấn đề sau:

- Cần phối hợp đồng bộ trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động SXKD, về vốn đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hoá thủ tục hành chính đối với hoạt động hỗ trợ xuất khẩu; có cơ chế hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư dây chuyền công nghệ chế biến sâu để nâng cao chất lượng hàng hoá cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp các giải pháp nhằm tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tích cực khai thác thị trường mới, giảm dần phụ thuộc vào các thị trường truyền thống (như Trung Quốc); thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để tiếp cận các thị trường khác trên thế giới.

- Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo; phân tích và dự báo về nhu cầu, xu hướng tiêu thụ sản phẩm (nhất là các mặt hàng nông sản xuất khẩu thế mạnh của tỉnh), theo dõi và bám sát mọi diễn biến của thị trường trong nước và quốc tế để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc định hướng chiến lược xuất khẩu một cách hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế chính sách linh hoạt hơn nữa trong thu hút đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư các dự án sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm từ cao su, cà phê, tiêu...để nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Cần phải có cơ chế phối hợp giữa địa phương với các Tham tán thương mại ở các nước, nhằm cung cấp thông tin và có phương pháp hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu thông tin về thị trường nước ngoài.

2. Về phía các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của tỉnh:

- Cần bám sát tình hình thị trường trong nước và thế giới để xây dựng chiến lược kinh doanh về mặt hàng và thị trường xuất khẩu phù hợp với từng thời kỳ.

- Chủ động nâng cao chất lượng, mẫu mã hàng hoá, nâng cao chất lượng và tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tăng cường đầu tư các nhà máy chế biến sâu, hạn chế sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thô nhằm tăng giá trị xuất khẩu trên một đơn vị sản phẩm và để tiếp cận gần hơn với các thị trường lớn.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tích cực khai thác thị trường mới, giảm dần sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống lâu nay đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Đối với thị trường trong nước, doanh nghiệp cần giữ thị phần thật tốt bằng giải pháp nâng cao chất lượng mẫu mã, tiện ích, dịch vụ sau bán hàng...cũng như tìm thị trường để đầu tư phát triển, chủ động trong việc tìm hiểu các thị trường trong khu vực (như ASEAN), phát huy những lợi thế về sản phẩm hàng hóa, cơ sở hạ tầng và cả nguồn nhân lực. Cần có sự chuẩn bị chu đáo nhằm cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu có mức giá ngày càng giảm.

- Tích cực, chủ động nắm bắt thông tin về các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, các hàng rào kỹ thuật thương mại, biện pháp phòng vệ

thương mại...của các thị trường xuất khẩu, để có thể chủ động thâm nhập, mở rộng thị trường xuất khẩu, phòng tránh những rủi ro.

III/ Câu hỏi 11:

Hiện nay, tỉnh ta không đứng ngoài xu hướng phát triển TMĐT, tuy nhiên còn nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm ứng dụng TMĐT để nâng cao hiệu quả SXKD. Đề nghị tỉnh cho biết kế hoạch phát triển TMĐT trong thời gian tới với các mục tiêu cụ thể, trong đó có mục tiêu về mua sắm trực tuyến, mua bán hàng hóa qua mạng xã hội và trên thiết bị di động thông minh? Định hướng phát triển TMĐT kết nối với phát triển chuỗi cung ứng công cụ, thiết bị, giải pháp, phần mềm? Phát triển TMĐT hướng vào hoạt động khởi nghiệp?

Trả lời: Trong những năm qua, cùng với cả nước, hoạt động Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã chuyển từ giai đoạn hình thành, tạo lập hạ tầng sang phổ biến rộng rãi và đang từng bước đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh. Điều dễ nhận ra nhất đó là nhận thức ngày càng cao về vị trí, vai trò cũng như những lợi ích của TMĐT đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền và hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay của cán bộ, công chức, của cộng đồng doanh nghiệp và nhiều tầng lớp dân cư trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 100% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động giao dịch và trao đổi thông tin; 15% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử (website) để cập nhật thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp; 30% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 20% doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm (như kế toán, quản lý...) trong hoạt động sản xuất và kinh doanh; 30% các siêu thị, cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; 50% đơn vị cung cấp dịch vụ điện nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử.

Việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp: Hiện nay UBND tỉnh Gia Lai đã có Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ <http://gialai.gov.vn>; 17/17 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và 21/22 sở, ban, ngành đã có Trang thông tin điện tử (Sở Ngoại vụ chưa có do mới thành lập); 17/17 UBND cấp huyện và 19/22 Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh đã triển khai mô hình "một cửa điện tử" (Sở Ngoại vụ chưa đầu tư, Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc không triển khai do không có hoặc có ít thủ tục). Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến được đăng tải và thực hiện trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Gia Lai tại địa chỉ <http://dvc.gialai.gov.vn/> và được liên kết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Đến nay toàn tỉnh đã cung cấp 326 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của 18 sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (trong đó gồm: 276 dịch vụ công mức độ 3 và 50 dịch vụ công mức độ 4). Việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ, đã mang lại những hiệu quả nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ đến sự quan tâm của Đảng và Chính quyền các cấp, các ngành trong tỉnh, đã quan tâm và có nhiều cố gắng trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị; tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh đó là sự quan tâm cố gắng của các doanh nghiệp trong hoạt động ứng dụng TMDT, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị mình.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, hoạt động ứng dụng Thương mại điện tử trên địa bàn vẫn còn rất nhiều khó khăn, hạn chế như:

- Nhận thức về tầm quan trọng, lợi ích của TMDT trong các doanh nghiệp chưa được đầy đủ và chưa đúng mức. Một số doanh nghiệp chưa thấy rõ hết vai trò, hiệu quả kinh tế của TMDT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, các doanh nghiệp Gia Lai hầu hết là các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ, quy mô hạn chế, chưa thực sự chú trọng đến việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai ứng dụng TMDT vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nguồn nhân lực cho hoạt động ứng dụng TMDT trong các doanh nghiệp hiện vẫn còn hạn chế, đội ngũ cán bộ chuyên trách TMDT còn thiếu và yếu; công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và TMDT được tổ chức hàng năm, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển TMDT trên địa bàn và yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của giai đoạn hiện nay.

- Hạ tầng CNTT và TMDT được đầu tư trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT và TMDT vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Việc triển khai ứng dụng thương mại điện tử của một số các doanh nghiệp mới ở giai đoạn bước đầu nên hiệu quả chưa cao, chưa theo kịp và tương xứng với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội; mặc dù có một số doanh nghiệp đã sử dụng nhiều giải pháp trong hệ thống thanh toán, quản lý doanh nghiệp và các dịch vụ trong TMDT, nhưng nhìn chung việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và TMDT còn hạn chế, số lượng chưa nhiều và chỉ tập trung ở một số lĩnh vực như ngân hàng, viễn thông, điện lực... Hiện vẫn còn một số lĩnh vực dịch vụ đa số người dân sử dụng nhưng doanh nghiệp trên địa bàn vẫn chưa ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Hiện trên địa bàn tỉnh có nhiều doanh nghiệp đã có website nhưng vẫn chỉ dừng lại ở mức cung cấp thông tin đơn thuần, chưa khai thác hết các tính năng ứng dụng của website trong hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như quản lý nhân sự, giới thiệu, quảng bá, hỗ trợ hợp đồng, giao dịch, mua bán hàng hóa, thanh toán ...

- Thời gian qua, mặc dù các cơ quan nhà nước đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đầu tư các hệ thống dịch vụ công trực tuyến, xây dựng các phần mềm ứng dụng phục vụ cho người dân, doanh nghiệp và được công khai trên các Website của các cơ quan nhà nước; nhưng việc truy cập khai thác thông tin và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm ứng dụng của các doanh nghiệp và người dân

còn rất hạn chế, do ảnh hưởng từ thói quen giao dịch trực tiếp tại các cơ quan nhà nước từ trước đến nay của người dân và doanh nghiệp.

- Việc mua hàng truyền thống theo kiểu chợ truyền thống từ trước đến nay của đa số doanh nghiệp và người dân, niềm tin của khách hàng khi mua sắm trực tuyến...vẫn đang là những rào cản trở ngại lớn đối với việc thúc đẩy TMĐT phát triển trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn cũng như thúc đẩy Thương mại điện tử phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian vừa qua, Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2016 - 2020 tại quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phê duyệt Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020 tại quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 27/11/2015. Trong đó đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp trong tỉnh cần tập trung đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phổ cập kiến thức về TMĐT không những cho các doanh nghiệp, các cán bộ quản lý của nhà nước, mà cho tất cả mọi người dân; đồng thời tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông về lợi ích của TMĐT, từng bước thay đổi tập quán, tâm lý của người tiêu dùng, từ chỗ chỉ quen mua sắm trực tiếp tại các siêu thị, các chợ truyền thống... chuyển sang mua sắm qua mạng. Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đúng các cam kết quốc tế về thương mại không giấy tờ trong các lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, đầu tư, đăng ký kinh doanh và các dịch vụ công khác liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMĐT; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp ứng dụng TMĐT; tăng cường hỗ trợ cho các doanh nghiệp ứng dụng TMĐT vào hoạt động quảng bá, giới thiệu, tiếp thị sản phẩm, tham gia giao dịch trực tuyến, đổi mới phương thức kinh doanh, cải tiến quy trình quản lý.

Hiện nay nguồn kinh phí ngân sách cấp hàng năm cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ứng dụng TMĐT trên địa bàn là rất hạn chế, nên cơ quan chức năng cũng chỉ tập trung hỗ trợ về công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT, các dịch vụ công trực tuyến cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp, các hoạt động hỗ trợ mang tính chất định hướng cho doanh nghiệp trong việc ứng dụng TMĐT. Vì vậy, để góp phần vào sự phát triển TMĐT cần có sự nỗ lực và đầu tư tương xứng của chính doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh đạt khoảng: 50% các doanh nghiệp có website riêng để giới thiệu, quảng bá thương hiệu, sản phẩm; 80% doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn đặt hàng thông qua các ứng dụng TMĐT; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm có thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán và cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; 50% doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch TMĐT; 100% doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm CNTT (kế toán, quản lý, ...) trong sản xuất kinh doanh; 70% doanh nghiệp thường xuyên truy cập Website của các cơ quan nhà nước để khai thác thông tin; 100% dịch vụ hành chính công cung cấp trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND huyện phải cung cấp trực tuyến tối thiểu đạt mức độ 3; 100% các giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước với doanh nghiệp và công dân được

thực hiện trực tuyến qua cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và qua bộ phận một cửa điện tử; 100% cơ quan quản lý nhà nước ứng dụng chứng thực chữ ký số; các doanh nghiệp áp dụng phổ biến chứng thực chữ ký số để đảm bảo an toàn, bảo mật cho các giao dịch TMĐT.

Trên đây là nội dung trả lời các ý kiến tại Diễn đàn doanh nghiệp tỉnh Gia Lai năm 2017 của Sở Công Thương Gia Lai. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. *Relb*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC



Bùi Khắc Quang